

Bản án số: 32/2020/KDTM-ST

Ngày: 28-9-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 - TP. HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai Trâm

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Bé
2. Ông Phạm Văn Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hải Hoài – cán bộ Tòa án nhân dân Quận 9 – thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ Hồng Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2019/TLST-KDTM ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2020/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2020/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T.

Trụ sở: số X khu phố 3, phường, thành phố B.

Người đại diện theo pháp luật: ông H (có mặt)

Đại diện theo ủy quyền: ông T, sinh năm: 1983 (có mặt)

(Văn bản ủy quyền số 2406/GUQ-HT/2018 ngày 24/6/2020)

Bị đơn: Công ty O (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: số 1 đường N, khu phố Long Bửu, phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông H, sinh năm: 1984

Địa chỉ: ấp 1, xã D, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty T (Bên A) có đại diện theo ủy quyền ông T trình bày:

Vào ngày 14/11/2017 Công ty T ký hợp đồng mua bán số 1411/HĐMB-HT/2017 với Công ty O (Bên B), nội dung hợp đồng Công ty T bán cho Công ty O khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) đóng bình loại 12kg và bình 45kg để phục vụ nhu cầu sử dụng/kinh doanh của Công ty O, bình ga mang nhãn hiệu QT CORP và VIMEXCO GAS, những bình nhãn hiệu khác nếu có Công ty T sẽ báo cho Công ty O bằng văn bản, về giá bán: vào đầu mỗi tháng, căn cứ theo giá của thị trường, bên A sẽ thông báo chính thức bằng văn bản, Fax, email, điện thoại cho bên B giá bán LPG 12kg và bình 45kg.

Trong trường hợp chính sách của Nhà nước thay đổi về giá nhập khẩu LPG làm ảnh hưởng đến giá cả trong tháng, bên A có quyền điều chỉnh giá theo quy định của Nhà nước và thông báo cho bên B bằng văn bản để áp dụng trong thời gian còn lại của tháng đó. Về thời hạn thanh toán: vào ngày cuối cùng của mỗi tháng, hai bên kết sổ làm đối chiếu. Khi có xác nhận đúng của hai bên, bên A tiến hành xuất hóa đơn thanh toán cho bên B theo số lượng thực tế bàn giao trong tháng.

Bên B thanh toán tiền hàng cho bên A vào ngày 15 tây hàng tháng, quá thời hạn thanh toán trên mà bên B chưa thanh toán thì bên B phải chịu lãi suất phát sinh theo lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng giao dịch của bên A quy định tại thời điểm thanh toán. Về giao nhận hàng: căn cứ khả năng tiêu thụ của mình, bên B đăng ký khối lượng LPG theo đơn đặt hàng của bên B bằng hình thức đặt hàng bằng văn bản, Fax, email, điện thoại, địa điểm giao LPG đóng bình và bốc dỡ: bên A chịu trách nhiệm bốc dỡ vận chuyển LPG đóng bình đến kho bên B, bình sau khi sử dụng hết LPG được trả lại cho bên A.

Ngoài ra hai bên còn ký phụ lục hợp đồng số 1411/PLHĐMB-HT/2018 về việc lắp đặt thiết bị dẫn khí LGP tại cơ sở của bên B gồm: Công ty O - bếp trung tâm; địa chỉ: đường DL 17, KCN Mỹ Phước 3, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát; Công ty TNHH Remote Solution Việt Nam, địa chỉ: Lô D5H, CN Mỹ Phước 3, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; chi nhánh Công ty cổ phần Thép Nam Kim, địa chỉ: Lô B2.2-B2.3 đường D3, KCN Đồng An 2, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, ngày 29/3/2018 bên A lắp đặt xong sau nên hai bên có lập biên bản bàn giao số 2903/BBBG-HT/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hàng tháng đôi bên có lập biên bản đối chiếu công nợ, Công ty O xác nhận số lượng LPG Công ty T giao trong tháng, đơn giá, số tiền phải trả, trong đó có khoản nợ chưa thanh toán của kỳ trước, số lượng vỏ bình đã trả, số lượng vỏ bình còn nợ, nợ đến hạn thanh toán, tuy nhiên Công ty O thường xuyên vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Công ty T đã ban hành nhiều thông báo yêu cầu thanh toán nợ quá hạn, Công ty O cam kết trả nhưng không thực hiện, ngày 06/8/2018 Công ty O gửi biên bản cam kết số 0207/2018/CV về việc thanh toán công nợ cho Công ty T, cam kết từ ngày 15 đến ngày 18/8 sẽ thanh toán dứt điểm công nợ tháng 02/2018; từ ngày 20-31/8 thanh toán 30.000.000 đồng công nợ tồn; hàng tháng sẽ thanh toán công nợ 01 tháng và 30.000.000 đồng công nợ tồn. Tuy nhiên Công ty O vẫn không thực hiện theo cam kết, ngày 23/8/2018 Công ty T gửi công văn số 0408/TB-HT/2018 về việc thông báo thu hồi tiền hàng và ngưng cung cấp ga.

Số tiền mua hàng Công ty O còn nợ Công ty T từ ngày 10/11/2017 đến ngày 13/08/2018 (sau khi đã căn trừ phần gas dư) là 308.832.0720 đồng. Trong vụ kiện này Công ty T yêu cầu Công ty O thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu là 276.393.464 đồng (là số tiền của LPG Công ty T giao cho Công ty O sử dụng tại cơ sở bếp trung tâm và bếp Remote (thị xã Bến Cát) từ ngày 10/11/2017 đến ngày 01/8/2018, số tiền còn lại 32.439.256 đồng Công ty T khởi kiện Công ty O ở một vụ kiện khác (do số tiền này là số tiền của LPG Công ty T giao cho Công ty O sử dụng tại chi nhánh Công ty cổ phần Y - thị xã Thủ Dầu Một); yêu cầu trả tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 31/10/2018 là 23.371.443 đồng; tiền đầu tư hệ thống ban đầu là 15.600.000 đồng, tổng cộng 315.364.907 đồng và yêu cầu Công ty O trả 02 vỏ bình gas loại 45kg đã mượn của Công ty T.

Bị đơn Công ty O và người đại diện theo pháp luật ông H đã được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, triệu tập lấy lời khai, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt.

Ngày 07/9/2020 Công ty T nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty O trả số tiền mua hàng còn thiếu là 276.393.464 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi 23.371.443 đồng và tiền đầu tư hệ thống ban đầu là 15.600.000 đồng và 02 vỏ bình ga 45kg.

Tại phiên tòa: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty O trả số tiền mua hàng còn thiếu là 276.393.464 đồng (hai trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm sáu mươi tư đồng).

Bị đơn Công ty O vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: đúng theo quy định pháp luật. Thẩm phán đưa vụ án ra xét xử vi phạm về thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không yêu cầu trả tiền lãi chậm trả 23.371.443 đồng, tiền đầu tư hệ thống ban đầu 15.600.000 đồng và 02 vỏ bình ga 45kg.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền mua hàng còn thiếu là 276.393.464 đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 9, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Công ty T yêu cầu Công ty O thanh toán tiền mua hàng còn thiếu theo hợp đồng kinh tế số 1411/HĐMB-HT/2017 ngày 14 tháng 11 năm 2017 nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tại Điều 9 của hợp đồng kinh tế số 1411/HĐMB-HT/2017 hai bên thỏa thuận: trong trường hợp tranh chấp không thể thông qua thương lượng, bên yêu cầu có quyền khiếu nại đối với bên kia và có quyền đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết trong thời hạn quy định của pháp luật. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì việc thỏa thuận nêu trên không đúng quy định pháp luật, căn cứ công văn số 3522/ĐKKD-THKT ngày 06/6/2019 của Sở kế hoạch đầu tư Tp. Hồ Chí Minh thì bị đơn có địa chỉ trụ sở tại số 1 đường N, khu phố Long Bửu, phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện chưa đăng ký giải thể, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Công ty Osaka đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên Tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định ngày 14 tháng 11 năm 2017 Công ty T và Công ty O có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 1411/HĐMB-HT/2017 và phụ lục hợp đồng số 1411/HĐMB-HT/2018, theo nội dung hợp đồng Công ty T bán cho Công ty O khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) đóng bình loại 12kg và bình 45kg để phục vụ nhu cầu sử dụng/kinh doanh của Công ty O.

[3.2] Theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng mua bán hàng hóa số 1411/HĐMB-HT/2017 ngày 14 tháng 11 năm 2017 quy định về thanh toán: “vào ngày cuối cùng của mỗi tháng hai bên kết sổ làm đối chiếu, khi có xác nhận đúng của hai bên, bên A tiến hành xuất hóa đơn thanh toán cho bên B theo số lượng thực tế bàn giao trong tháng, bên B thanh toán vào ngày 15 tây hàng tháng ...” Thực tế trong quá trình thực hiện hợp đồng, hàng tháng Công ty T và Công ty O có lập biên bản đối chiếu công nợ, Công ty O xác nhận số lượng LPG Công ty T giao trong tháng, đơn giá, số tiền phải trả, trong đó có khoản nợ chưa thanh toán của kỳ trước, số lượng vỏ bình đã trả, số lượng vỏ bình còn nợ, khoản nợ đến hạn thanh toán.

[3.3] Căn cứ biên bản cam kết số 0207/2018/CV ngày 06/8/2018 của Công ty O về việc thanh toán công nợ cho Công ty T, Công ty O cam kết từ ngày 15 đến ngày 18/8 sẽ thanh toán dứt điểm công nợ tháng 02/2018; từ ngày 20-31/8 thanh toán 30.000.000 đồng công nợ tồn; hàng tháng sẽ thanh toán công nợ 01 tháng và 30.000.000 đồng công nợ tồn. Theo biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng ngày 12/9/2018 thì số tiền Công ty O chưa thanh toán là 308.832.720 đồng. Tuy nhiên trong vụ kiện này Công ty T chỉ yêu cầu Công ty O thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu 276.393.464 đồng - là số tiền của LPG Công ty T giao cho Công ty O sử dụng tại cơ sở bếp trung tâm và bếp Remote (huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương) từ ngày 10/11/2017 đến ngày 01/8/2018, số tiền còn lại 32.439.256 đồng Công ty T khởi kiện Công ty O ở một vụ kiện khác.

Như vậy căn cứ các tài liệu chứng cứ nêu trên có cơ sở xác định Công ty O mua khí dầu mỏ hóa lỏng của Công ty Hưng Thịnh và chưa thực hiện hết nghĩa vụ thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án Công ty O vắng mặt và không có ý kiến, tài liệu chứng cứ gì gửi cho Tòa án về việc đã thanh toán số tiền nêu trên cho Công ty T. Do đó, căn cứ Điều 50 Luật Thương mại, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền mua hàng còn thiếu 276.393.464 đồng, trả làm một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

Theo lời khai của nguyên đơn thì số tiền 276.393.464 đồng nêu trên là số tiền còn nợ của nhiều đơn hàng cộng dồn lại và đã được nguyên đơn xuất hóa đơn cho bị đơn, gồm hóa đơn số 1297 ngày 23/11/2017, số 1441 ngày 25/12/2017, số 1594 ngày 25/01/2018, số 1736 ngày 26/02/2018, số 1839 ngày

16/3/2018, số 2081 ngày 27/4/2018, số 2207 ngày 21/5/2018, số 2342 ngày 15/6/2018, số 0034 ngày 30/7/2018. Tại Điều 4 của hợp đồng qui định: *hàng tháng khi hai bên ký biên bản đối chiếu công nợ, Công ty Hưng Thịnh xuất hóa đơn thanh toán cho Công ty Osaka và Công ty Osaka sẽ thanh toán vào ngày 15 tây hàng tháng.* Như vậy lời khai của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Nguyên đơn Công ty T nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu trả tiền lãi chậm trả 23.371.443 đồng, tiền đầu tư hệ thống ban đầu 15.600.000 đồng và 02 vỏ bình ga 45kg. Xét thấy, việc rút yêu cầu nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nêu trên của nguyên đơn.

Như vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 là phù hợp.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty O phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là: 276.393.464 đồng x 5% = 13.819.673 đồng.

Nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 24, Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại;

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty O có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T số tiền 276.393.464 đồng (hai trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm sáu mươi bốn đồng), trả làm một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không yêu cầu trả tiền lãi chậm trả 23.371.443 đồng và tiền đầu tư hệ thống ban đầu 15.600.000 đồng và 02 vỏ bình ga 45kg.

2. Về án phí: Công ty O phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 13.819.673 đồng (mười ba triệu tám trăm mười chín ngàn sáu trăm bảy mươi ba đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền khi án có hiệu lực pháp luật.

Trả lại cho Công ty T số tiền 7.884.123 đồng (bảy triệu tám trăm tám mươi tư ngàn một trăm hai mươi ba đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0029885 ngày 15/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Q.9;
- Chi cục THADS Q9;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mai Trâm